

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 10-02-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung

2. Ông Đinh Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 13/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1991. Địa chỉ liên lạc: Số F khu phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Hà Tuyết A, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà L1 có mặt, bà Tuyết A vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu L1 trình bày:* Ngày 16/8/2023 ông L có cho bà Hà Tuyết A vay số tiền là 529.000.000 đồng, ông L cho bà Tuyết A vay bằng tiền mặt, ông L là người trực tiếp giao tiền cho bà Tuyết A. Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nếu bà Tuyết A trả tiền trong hạn thì lãi suất là 0%, nếu hết thời hạn 3 tháng bà Tuyết A không trả tiền cho ông L thì sẽ phải trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm. Hai bên thỏa thuận trong trường hợp bà Tuyết A vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi hết thời hạn vay thì ngoài việc phải trả khoản tiền lãi quá hạn thì bà Tuyết A còn phải trả cho ông L một khoản phạt vi phạm bằng 50% số tiền vay. Hai bên có lập một hợp đồng vay tiền ngày 16/8/2023 có chữ ký xác nhận của bà Tuyết A.

Ngày 14/12/2023 bà Tuyết A đã trả cho ông L số tiền gốc là 370.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 159.000.000 đồng. Từ đó đến nay đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà Tuyết A không trả tiền cho ông L mặc dù ông L đã yêu cầu nhiều lần, bà Tuyết A cũng chưa trả tiền lãi cho ông L. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Tuyết A phải trả cho ông L số tiền gốc còn lại chưa trả là 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu đồng);

- Buộc bà Tuyết A phải trả cho ông L tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm tương ứng với 1,66%/tháng tính từ ngày 17/11/2023 đối với số tiền nợ là 529.000.000 đồng cho đến ngày 14/12/2023 là 28 ngày, cụ thể:  $529.000.000 \times 1.66\% \times 28 \text{ ngày} = 8.196.000$  đồng;

- Buộc bà Tuyết A phải trả cho ông L tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm tương ứng với 1,66%/tháng tính từ ngày 15/12/2023 đối với số tiền nợ là 159.000.000 đồng cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong;

- Buộc bà Tuyết A phải trả tiền phạt vi phạm bằng 50% số tiền vay theo thỏa thuận tại Điều 5 trong Hợp đồng vay tiền là: 264.500.000 đồng.

Tổng cộng: ông L yêu cầu bà Tuyết A phải trả cho ông L số tiền 431.696.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền 159.000.000 đồng với mức lãi suất là 20%/năm tương ứng với 1,66%/tháng tính từ ngày 15/12/2023 đối với số tiền nợ là 159.000.000 đồng cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong.

*Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Hà Tuyết A trình bày:* Bà không vay số tiền 529.000.000 đồng của ông L, ngày 16/8/2023 bà không nhận số tiền mặt 529.000.000 đồng từ ông L. Thực tế là năm 2022 bà mua 01 lô đất của ông Đ và còn thiếu của ông Đ 02 tỷ đồng. Sau đó ông Đ có liên hệ và vay của ông L số tiền trên, ông L chuyển khoản cho ông Đ 02 tỷ coi như bà đã trả tiền đất cho ông Đ và bà có ký giấy nhận nợ số tiền 02 tỷ với ông L, lãi suất mỗi tháng bà phải trả cho ông liên là 72.000.000 đồng. Ông Đ hiện nay đã bán đất đi khỏi địa phương, bà không biết ông Đ họ tên đầy đủ là gì, không biết địa chỉ hiện nay của ông Đ. Toàn bộ quá trình mua bán đất giữa bà và ông Đ chỉ là nói miệng

với nhau, thực tế thì đất là của em trai ông Đ và ông Đ chỉ đứng lên thay mặt em trai bán cho bà. Sự việc đã quá lâu nên bà không nhớ được cụ thể. Đối với hợp đồng vay tiền ngày 16/8/2023 thì do ông L thì bà Tuyết A viết theo yêu cầu của ông L.

Bà không nhớ ngày nhận nợ là ngày bao nhiêu, tính đến nay thì bà đã trả đủ số tiền gốc cho ông L là 02 tỷ đồng, bà trả thành nhiều lần, bà cũng đã trả rất nhiều tiền lãi cho ông L, trả bằng hình thức chuyển khoản và trả thành nhiều lần, tổng cộng tiền lãi bà đã trả bao nhiêu thì bà không nhớ, bà sẽ sao kê tài khoản để cung cấp cho Tòa án. Số tiền gốc 02 tỷ thì bà chuyển trả thành 03 lần trong đó 02 lần bà trả cho ông Đ (một lần bà chuyển khoản cho ông Đ 1,5 tỷ, một lần bà chuyển khoản cho ông Đ 400 triệu), còn số tiền 100 triệu bà chuyển khoản cho ông L (số tiền này nằm trong khoản 370 triệu bà trả cho ông L vào ngày 14/12/2023). Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bà Tuyết A vắng mặt nên không hòa giải được và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bà Tuyết A nhưng bà Tuyết A không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Tuyết A phải trả cho ông L số tiền gốc là 159.000.000đồng lãi là 42.508.000đồng, phạt vi phạm là 264.500.000đồng, tổng số tiền ông L yêu cầu bà Tuyết A phải trả là 466.008.000đồng. Bị đơn bà Tuyết A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn Công L về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bà Hà Tuyết A. Buộc bà Hà Tuyết A phải trả cho ông Nguyễn Công L số tiền nợ gốc 159.000.000đồng và tiền lãi suất là 42.215.000đồng.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm của ông L yêu cầu bà Tuyết A phải trả 264.500.000đồng thì yêu cầu này không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị buộc bà Hà Tuyết A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.



Buộc ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn và theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông L khởi kiện yêu cầu bà Tuyết A phải trả số tiền gốc, lãi và phạt vi phạm là 466.008.000đồng. Bị đơn bà Tuyết A không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Công L với bị đơn bà Hà Tuyết A.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Tuyết A cư trú tại Thôn P, xã T, huyện L, Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 16/8/2023 giữa ông L và bà Tuyết A có lập 01 hợp đồng vay tiền với nội dung bà Tuyết A có vay của ông L số tiền 529.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất trong hạn là 0%, lãi suất quá hạn là 20%/năm. Nguyên đơn xuất trình cho Tòa án bản chính hợp đồng vay tiền ngày 16/8/2023, trong giấy này thể hiện rõ người cho vay là ông L, bên vay là bà Tuyết A, ngày vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả nợ. Bà Tuyết A thừa nhận có ký vào hợp đồng vay tiền do ông L xuất trình.

Quá trình làm việc tại Tòa án bà Tuyết A đã viết bản tự khai (bút lục 16) bà Tuyết A xác định bà không vay số tiền 529.000.000đồng của ông L, ngày 16/8/2023 bà không nhận số tiền mặt 529.000.000đồng từ ông L mà bà Tuyết A cho rằng ngày 13/9/2022 bà có vay của ông L số tiền 2.000.000.000đồng, mỗi tháng bà phải trả cho ông L 72.000.000đồng tiền lãi. Sau đó bà đã trả cho ông L nhiều lần cả gốc và lãi, lần cuối cùng bà trả nợ cho ông L là 370.000.000đồng vào ngày 14/12/2023. Hiện nay bà chỉ còn nợ lại ông L số tiền 159.000.000đồng nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà chỉ đồng ý trả cho ông liêm 159.000.000đồng. Mọi nội dung giao dịch của bà và ông L đều được thể

hiện qua tin nhắn Zalo và bà trình bày sẽ sao kê tài khoản tại ngân hàng có thể hiện nội dung các giao dịch giữa bà với ông L để xuất trình cho Tòa án.

Tại buổi làm việc ngày 09/12/2024 (bút lục 23-24) thì bà Tuyết A lại xác định: năm 2022 bà mua 01 lô đất của ông Đ và còn thiếu của ông Đ 02 tỷ đồng. Sau đó ông Đ có liên hệ và vay của ông L số tiền trên, ông L chuyển khoản cho ông Đ 02 tỷ coi như bà đã trả tiền đất cho ông Đ và bà có ký giấy nhận nợ số tiền 02 tỷ với ông L, lãi suất mỗi tháng bà phải trả cho ông liên là 72.000.000đồng. Ông Đ hiện nay đã bán đất đi khỏi địa phương, bà không biết ông Đ họ tên đầy đủ là gì, không biết địa chỉ hiện nay của ông Đ. Toàn bộ quá trình mua bán đất giữa bà và ông Đ chỉ là nói miệng với nhau, thực tế thì đất là của em trai ông Đ và ông Đ chỉ đứng lên thay mặt em trai bán cho bà. Bà không nhớ ngày nhận nợ là ngày bao nhiêu, tính đến nay thì bà đã trả đủ số tiền gốc cho ông L là 02 tỷ đồng, bà trả thành nhiều lần, bà cũng đã trả rất nhiều tiền lãi cho ông L, trả bằng hình thức chuyển khoản và trả thành nhiều lần, tổng cộng tiền lãi bà đã trả bao nhiêu thì bà không nhớ, bà sẽ sao kê tài khoản để cung cấp cho Tòa án. Số tiền gốc 02 tỷ thì bà chuyển trả thành 03 lần trong đó 02 lần bà trả cho ông Đ (một lần bà chuyển khoản cho ông Đ 1,5 tỷ, một lần bà chuyển khoản cho ông Đ 400 triệu), còn số tiền 100 triệu bà chuyển khoản cho ông L (số tiền này nằm trong khoản 370 triệu bà trả cho ông L vào ngày 14/12/2023). Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Như vậy, lời trình bày của bà Tuyết A về việc vay 02 tỷ của ông L cũng không thống nhất, lúc thì bà Tuyết A khai ngày 13/9/2022 bà vay của ông L 02 tỷ, lúc thì bà Tuyết A khai mua đất của ông Đ thiếu tiền và ông L chuyển 02 tỷ cho ông Đ. Do lời trình bày của các đương sự mâu thuẫn nhau nên Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự để thực hiện việc đối chất nhưng cả ông L và bà Tuyết A đều vắng mặt nên không đối chất được.

Tòa án đã ban hành thông báo số 57 ngày 21/11/2024 thông báo cho bà Tuyết A nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà Tuyết A là có căn cứ và hợp pháp (bút lục 19), bà Tuyết A đã nhận được thông báo trên (bút lục 20). Đồng thời tại buổi làm việc ngày 09/12/2024 tại Tòa án (bút lục 23-24) bà Tuyết A xác định đã nhận được thông báo trên và đề nghị: “...cho tôi thời hạn là chiều thứ 6 ngày 13/12/2024 tôi sẽ xuất trình toàn bộ chứng cứ chứng minh việc tôi vay 2.000.000.000đồng của ông L từ ngày 13/9/2022 và mỗi tháng trả 72.000.000đồng tiền lãi; Tài liệu chứng minh nội dung giao dịch giữa tôi và ông L qua ứng dụng Zalo; Sao kê tài khoản tại ngân hàng thể hiện việc vay tiền, trả lãi giữa tôi với ông L từ ngày 13/9/2022 chỉ đến ngày 14/12/2023”. Tuy nhiên, sau đó bà Tuyết A không nộp các tài liệu như bà Tuyết A trình bày nên Tòa án không có cơ sở để xem xét lời trình bày của bà Tuyết A.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào chứng cứ là hợp đồng vay tiền nêu trên cùng với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và sự thừa nhận của bà Tuyết A thì xác định ngày 16/8/2023 bà Tuyết A có vay của ông liên

số tiền 529.000.000đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 16/8/2023, đến ngày 14/12/2023 bà Tuyết A đã trả cho ông L số tiền gốc là 370.000.000đồng, còn lại 159.000.000đồng tiền gốc bà Tuyết A chưa trả cho ông L. Vì vậy, cần buộc bà Tuyết A phải trả cho ông L số tiền gốc là 159.000.000đồng.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Tuyết A phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi của khoản 529.000.000đồng từ ngày 17/11/2023 đến ngày 14/12/2023 theo mức 1,66% tháng, tính thành tiền là 8.196.000 đồng; Tiền lãi của khoản 159.000.000 đồng từ ngày 15/12/202 cho đến khi vụ án được xét xử là ngày 10/02/2025 theo mức 1,66%/ 1 tháng, thực tế là 13 tháng 25 ngày, nhưng nguyên đơn tính tròn là 13 tháng, thành tiền 34.312.000đồng

Xét thấy, trong hợp đồng các đương sự có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0%, lãi suất quá hạn 20%/ năm, mức lãi suất các đương sự thỏa thuận trong hợp đồng và nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận số tiền lãi ông L yêu cầu, buộc bà Tuyết A phải trả cho ông L tổng số tiền lãi là 42.508.000đồng;

[4] Đối với số tiền phạt vi phạm ông L yêu cầu bà Tuyết A phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền bằng 50% số tiền vay là 264.500.000đồng. Hội đồng xét xử xét, thấy tại Điều 5 trong hợp đồng vay có thỏa thuận vấn đề này tuy nhiên thỏa thuận này của các đương sự không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu này của ông L.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc bà Tuyết A phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền gốc là 159.000.000đồng, tiền lãi là 42.508.000đồng, tổng cộng là 201.508.000đồng (hai trăm lẻ một triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L đối với việc yêu cầu bà Tuyết A phải trả số tiền phạt vi phạm là 264.500.000đồng (hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận, cụ thể:  $264.500.000\text{đồng} \times 5\% = 13.225.000\text{đồng}$  án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn bà Tuyết A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn cụ thể là:  $201.508.000\text{đồng} \times 5\% = 10.075.000\text{đồng}$  (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**



- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 203 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

**- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;**

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bà Hà Tuyết A.

Buộc bà Hà Tuyết A phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công L số tiền gốc là 159.000.000đồng, tiền lãi là 42.508.000đồng, tổng cộng là 201.508.000đồng (hai trăm lẻ một triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công L về việc yêu cầu bà Hà Tuyết A phải trả số tiền phạt vi phạm là 264.500.000đồng (hai trăm sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

Buộc bà Hà Tuyết A phải chịu 10.075.000đồng (mười triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Công L phải chịu 13.225.000đồng (mười ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.109.000đồng ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005121 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông Nguyễn Công L còn phải nộp 2.116.000đồng (hai triệu một trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/02/2025), riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**



**Thạch Thị Lan Nhung**

**Đinh Văn Cường**

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**